

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT
Ngày 12/02/2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương T.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị T

Bà Lê Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị P - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Bà Thiều Thị Hg - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02/01/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Q bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 17/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Đội 10, xã Đ, huyện S, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Sỹ H - sinh năm 1975.

Địa chỉ: Trường Tiểu học M, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Do có kháng cáo của: Anh Lê Sỹ H.

Tại phiên tòa: Có mặt anh Lê Sỹ H và chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Sỹ H kết hôn ngày 03/02/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện S, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con cái nên vợ

chồng thường xuyên cãi cọ nhau và không hạnh phúc. Năm 2017, chị T làm đơn xin ly hôn anh H tại Tòa án nhân dân huyện Q, sau đó chị muốn níu kéo hạnh phúc gia đình để cùng nuôi dạy con cái nên chị đã rút đơn để Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng thời gian sau đó cuộc sống vợ chồng chị vẫn không được hạnh phúc, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Lê Ngọc A, sinh ngày 25/11/2008 và Lê Trung D, sinh ngày 09/9/2014. Hiện nay các cháu đang ở với chị. Chị xin được nuôi cả hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lê Ngọc A số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi; còn cháu Lê Trung D, chị tự chu cấp được nên không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu D.

- Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn là anh Lê Sỹ H trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử vụ án như sau:

- Về hôn nhân, anh thống nhất về ngày tháng năm kết hôn, cơ sở của việc kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh và chị T có cách suy nghĩ sống khác nhau nên thường xảy ra cãi cọ nhau. Năm 2017 chị T đã nộp đơn xin ly hôn nhưng lại rút đơn. Nay chị T tiếp tục đề nghị xin được ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng hoàn toàn đồng ý ly hôn; Về con: Anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày ở trên là đúng. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc A còn để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trung D, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Nếu chị T không nuôi được thì anh sẽ nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; Về tài sản: Anh H cũng thống nhất như ý kiến của chị T là không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Qua xác minh đã xác định được, hiện nay hai cháu Lê Ngọc A và cháu Lê Trung D hiện nay đang ở cùng với chị T; Nguyên vọng của cháu Ngọc A xin được ở cùng với mẹ.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại cấp sơ thẩm:**

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị T: Về Hôn nhân: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H; Về con: Chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con. Chị T thay đổi ý kiến về việc yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể là chị yêu cầu anh Hùng phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Ngọc A mỗi

tháng là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trung D mỗi tháng là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Ngọc A, cháu D đủ 18 tuổi; Đối với bị đơn, anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn; không yêu cầu về tài sản; Về con: Anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Ngọc A, để cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị T không nuôi được thì anh sẽ trực tiếp nuôi cả hai cháu mà không yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

* Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Sỹ H.

* *Về con*: Giao 02 cháu là Lê Ngọc A sinh ngày 25/11/2008 và Lê Trung D, sinh ngày 09/9/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Sỹ H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lê Ngọc A mỗi tháng là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), cấp dưỡng cho cháu Lê Trung D mỗi tháng là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Ngọc A, cháu D đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Sau khi xét xử, ngày 09/12/2019 bị đơn anh Lê Sỹ Hùng có kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với việc Tòa án án giao cả hai con chung là Lê Ngọc A và Lê Trung D cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu Tòa án giao cả hai con chung cho anh nuôi.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tòa án giao mỗi người nuôi một con thì cả anh H và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Trung D.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Sỹ Hùng sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Lê Ngọc A cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Lê Trung D cho anh H nuôi dưỡng, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo: Anh Lê Sỹ H xin được nuôi cả hai con chung, anh gửi kèm đơn kháng cáo là các tài liệu rút ra từ facebook thể hiện chị T bận rộn, không có thời gian trông nom con; nếu không được nuôi cả hai cháu thì anh xin được nuôi cháu trai là Lê Trung D, vì cháu Ngọc A có nguyện vọng ở với mẹ và đã dậy thì; Chị T cũng có quan điểm nếu không được nuôi cả hai cháu thì xin nuôi cháu Trung D, vì cháu còn nhỏ lại có chứng bệnh chậm nói, cần mẹ chăm sóc hơn cả, chị xuất trình các tài liệu khám bệnh của cháu từ năm 2017, và các tài liệu khác về việc chị bán bảo hiểm, bán hàng online để chứng minh chị có thu nhập cao có khả năng nuôi con. HĐXX thấy rằng, anh H là giáo viên tiểu học, chị T là giáo viên mầm non, cả hai đều công tác trong ngành giáo dục nên có điều kiện nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, hiện nay anh H dạy học trên Quan Sơn, nếu giao cả hai con cho anh nuôi dưỡng với điều kiện công tác của anh như vậy sẽ không đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu, mà giao cả hai cháu cho chị T nuôi dưỡng cũng vất vả cho chị, ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu. Nên giao mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Nên giao cháu Ngọc A là con gái cho chị T nuôi, giao cháu D là con trai cho anh H nuôi.

Do vậy, chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Lê Sỹ H, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Lê Ngọc A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Trung D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Lê Sỹ H được chấp nhận một phần nên anh không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho anh Lê Sỹ H số tiền 300.000đ(*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000455 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Lê Sỹ H.

- Sửa 1 phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Xử: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 25/11/2008, giao cho anh Lê Sỹ H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trung D, sinh ngày 09/9/2014, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh H có quyền qua lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở, nhưng chị T và anh H cũng không được lạm dụng quyền thăm nom con để làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con của nhau.

2. Án phí phúc thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

- Anh Lê Sỹ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh Lê Sỹ H số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000455 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q
- UBND xã Đ, h.S, T.Hóa.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Phương Thanh